TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 2 – ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 94/2025/HNGĐ-ST.
Ngày: 17-9-2025.
V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 - ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đào Minh Hoàng.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Mai Thị Huệ.

Ông Nguyễn Văn Ngẫu.

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Vũ Thùy Linh - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân khu vực 2 – Đồng Nai.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 2 - Đồng Nai *tham gia phiên tòa:* Bà Trần Thị Nhung - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 9 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 2 – Đồng Nai tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 446/2025/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 6 năm 2025 về ly hôn, tranh chấp nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 100/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 8 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Trần Thị H, sinh năm 1990.

Căn cước công dân số: 075190022563. Ngày cấp: 19/8/2022. Nơi cấp: Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về Trật tự xã hội.

Địa chỉ: Tổ A, ấp S, xã B, huyện L, tỉnh Đồng Nai (nay là xã L, tỉnh Đồng Nai).

- *Bị đơn:* Anh Vũ Đình T, sinh năm 1988.

Địa chỉ: Tổ A, ấp S, xã B, huyện L, tỉnh Đồng Nai (nay là xã L, tỉnh Đồng Nai).

Hiện đang chấp hành án tại: Đ, P, Trại giam X, Bộ C.

(Các đương sự vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo đơn khởi kiện ngày 20/5/2025, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Trần Thị H trình bày:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Chị và anh Vũ Đình T tự tìm hiểu và kết hôn năm 2011, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã S, huyện L, tỉnh Đồng Nai (nay là xã L, tỉnh Đồng Nai). Trong thời gian chung sống, 03 năm đầu vợ chồng sống hạnh phúc, từ năm 2016 chị và anh T bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do anh T không đi làm phụ nuôi con mà còn ăn chơi phát sinh nhiều khoản nợ, phải bán xe, bán đất. Chị và anh T nhiều lần trao đổi để giải quyết mâu thuẫn nhưng anh T đều không làm được. Từ năm 2019, chị và 02 con về nhà

ngoại sinh sống và ly thân anh T từ đó cho đến nay. Trong thời gian đó, anh T không chu cấp nuôi con, không tu chí làm ăn mà vẫn tụ tập ăn chơi, đến ngày 19/6/2022 thì bị Công an bắt về hành vi tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy, án phạt 07 năm tù, đang chấp hành án phạt tù tại Trại giam X. Chị yêu cầu ly hôn anh T.

- *Về con chung:* Có 02 con chung tên Vũ Đình T1, sinh ngày 14/8/2012 và Vũ Đình T2, sinh ngày 13/02/2015 hiện đang do chị nuôi dưỡng. Ly hôn, chị yêu cầu nuôi dưỡng 02 con chung, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

- *Về tài sản chung và nợ chung:* Không có.

2. Theo bản tự khai ngày 26/8/2025, bị đơn anh Vũ Đình T trình bày:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Anh và chị Trần Thị H kết hôn vào năm 2011, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã S, huyện L, tỉnh Đồng Nai (nay là xã L, tỉnh Đồng Nai). Sau khi kết hôn, vợ chồng sống bình thường, đến năm 2016 bắt đầu phát sinh mâu thuẫn về kinh tế gia đình, vợ chồng có trao đổi nhưng không giải quyết được. Đến tháng 6/2022 anh bị bắt và đang chấp hành án tại Trại giam X cho đến nay. Anh đồng ý ly hôn với chị H.

- *Về con chung:* Có 02 con chung tên Vũ Đình T1, sinh ngày 14/8/2012 và Vũ Đình T2, sinh ngày 13/02/2015. Anh đồng ý giao 02 con chung cho chị H nuôi dưỡng, anh không cấp dưỡng nuôi con.

- *Về tài sản chung và nợ chung:* Không có.

3. Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán trong việc xác định quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết, tư cách tố tụng, thu thập chứng cứ và tiến hành tố tụng đúng quy định. Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa tiến hành tố tụng đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn được đảm bảo về quyền và lợi ích hợp pháp, thực hiện quyền, nghĩa vụ đúng quy định.

Về ý kiến giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Trần Thị H đối với bị đơn anh Vũ Đình T; Về con chung: Có 02 con chung tên Vũ Đình T1, sinh ngày 14/8/2012 và Vũ Đình T2, sinh ngày 13/02/2015 hiện đang do chị H nuôi dưỡng, anh T đồng ý giao 02 con chung cho chị H nuôi dưỡng, đề nghị xử giao 02 con chung cho chị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; Về cấp dưỡng: Chị H không yêu cầu giải quyết nên không xem xét; Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét; Về án phí: Đương sự chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Những yêu cầu, kiến nghị để khắc phục vi phạm về tố tụng: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Nguyên đơn chị Trần Thị H khởi kiện yêu cầu ly hôn anh Vũ Đình T, yêu cầu giải quyết về người trực tiếp nuôi con là cháu Vũ Đình T1, sinh ngày 14/8/2012 và Vũ Đình

T2, sinh ngày 13/02/2015. Do đó, Tòa án thụ lý vụ án dân sự với quan hệ pháp luật là "Ly hôn, tranh chấp nuôi con" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn anh Vũ Đình T, sinh năm 1988, nơi đăng ký thường trú tại: Tổ A, ấp S, xã B, huyện L, tỉnh Đồng Nai (nay là xã L, tỉnh Đồng Nai), hiện đang chấp hành án tại: Đ, P, Trại giam X, Bộ C. Do đó, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 2 - Đồng Nai theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nguyên đơn chị Trần Thị H và bị đơn anh Vũ Đình T vắng mặt có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Trần Thị H:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị H và anh Vũ Đình T tự tìm hiểu và kết hôn với nhau năm 2011, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã S, huyện L, tỉnh Đồng Nai (nay là xã L, tỉnh Đồng Nai) theo Giấy chứng nhận kết hôn số 31, quyển số 01/2011, ngày 19/9/2011 nên được xác định là hôn nhân hợp pháp.

Xét thấy, chị H và anh T đều thừa nhận sau khi kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc, đến năm 2016 bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Theo chị H trình bày do anh T không đi làm phụ giúp nuôi con mà còn ăn chơi làm phát sinh nhiều khoản nợ, phải bán xe, bán đất để trả nợ. Chị và anh T nhiều lần trao đổi để giải quyết mâu thuẫn nhưng anh T không thay đổi. Theo anh T trình bày vợ chồng mâu thuẫn về kinh tế gia đình, vợ chồng có trao đổi nhưng không giải quyết được. Đến ngày 19/6/2022, anh T bị Công an bắt về hành vi tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy, án phạt 07 năm tù, đang chấp hành án phạt tù tại Trại giam X. Chị H yêu cầu ly hôn, anh T đồng ý ly hôn.

Như vậy, hôn nhân giữa chị H và anh T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Chị H yêu cầu ly hôn, anh T đồng ý tuy nhiên anh chị đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt nên không thể ghi nhận sự tự nguyện ly hôn giữa chị H và anh T. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của chị H đối với anh T, xử cho chị H ly hôn anh T.

Về con chung: Chị H và anh T có 02 con chung tên Vũ Đình T1, sinh ngày 14/8/2012 và Vũ Đình T2, sinh ngày 13/02/2015.

Xét thấy, cháu T1 và cháu T2 đang do chị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, đều có nguyện vọng tiếp tục sống với chị H. Chị H có yêu cầu nuôi dưỡng 02 con chung và được anh T đồng ý tuy nhiên chị H và anh T vắng mặt tại phiên tòa nên không thể công nhận sự thỏa thuận của chị H và anh T. Do đó, xử giao cháu T1 và cháu T2 cho chị H tiếp tục nuôi dưỡng để đảm bảo sự ổn định trong cuộc sống và đảm bảo quyền lợi về mọi mặt cho con sau khi cha mẹ ly hôn.

Về cấp dưỡng: Chị H không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con, hiện anh T đang chấp hành án không có điều kiện cấp dưỡng nên không xem xét.

Về tài sản chung: Chị H và anh T đều trình bày vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ chung nên không xem xét.

[3] Về án phí: Chị Trần Thị H khởi kiện yêu cầu ly hôn anh Vũ Đình T nên chị H phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án tranh chấp về hôn nhân và gia đình.

[4] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 – Đồng Nai phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên ghi nhận.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 147, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 81/2025/UBTVQH15 ngày 27 tháng 6 năm 2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Căn cứ Nghị quyết số 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27 tháng 6 năm 2025 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Trần Thị H đối với bị đơn anh Vũ Đình T về ly hôn, tranh chấp nuôi con.

1. Xử cho chị Trần Thị H ly hôn anh Vũ Đình T.

2. Về con chung: Có 02 con chung tên Vũ Đình T1, sinh ngày 14/8/2012 và Vũ Đình T2, sinh ngày 13/02/2015.

Xử giao cháu Vũ Đình T1, sinh ngày 14/8/2012 và Vũ Đình T2, sinh ngày 13/02/2015 cho chị Trần Thị H được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Về cấp dưỡng: Không xem xét.

Sau khi ly hôn, chị H, anh T vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ, hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con, hạn chế quyền của cha mẹ đối với con chưa thành niên, cũng như mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét.

4. Về án phí: Chị Trần Thị H phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0015220 ngày 29/5/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 2 – Đồng Nai). Chị H đã nộp đủ án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Trần Thị H, anh Vũ Đình T có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được

niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND khu vực 2 – Đồng Nai;
- Phòng THADS khu vực 2 – Đồng Nai;
- UBND xã Long Thành, tỉnh Đồng Nai (GCNKH số 31, quyển số 01/2011 UBND xã Suối Trầu cũ);
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, Văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đào Minh Hoàng